

Name:

Class: S7

Tel: 034 200 9294



Vocabulary & Grammar:

Listening:

Mini Test:

Ngày GV giao bài: Thứ ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ ngày/.....

GLOBAL ENGLISH 7

UNIT 6 – SPORTS AND GAMES – VOCABULARY 2 & FCE LISTENING

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

- Paralympic (Thể vận hội dành cho người khuyết tật)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	alpine skiing (n phr.)	môn trượt tuyết núi cao	4	ice sledge hockey (n phr.)	môn khúc côn cầu trên băng dùng xe trượt
2	cross-country skiing (n phr.)	môn trượt tuyết băng đồng	5	wheelchair curling (n phr.)	môn bi đá trên băng dành cho người khuyết tật ngồi xe lăn
3	para-snowboarding (n)	môn trượt ván tuyết dành cho người khuyết tật	6	the disabled (n)	người khuyết tật

- Football (Bóng đá)

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	against (prep)	chống lại, đấu với	8	opening/closing ceremony (n phr.)	lễ khai mạc/ bế mạc
2	score (v)	ghi bàn	9	be crowned with (phr.v)	được trao danh hiệu/ nhận vinh dự
3	three-all (n)	tỷ số hòa 3-3	10	biathlon (n)	hai môn phối hợp
4	a draw (n)	trận hòa	11	decathlon (n)	mười môn phối hợp
5	a penalty shoot-out (n phr.)	lượt sút luân lưu	12	pentathlon (n)	năm môn phối hợp
6	win on penalties	thắng nhờ lượt sút luân lưu	13	triathlon (n)	ba môn phối hợp
7	gymnasium (n)	phòng tập thể dục, thể thao			

- Others

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	chuck sb out (phr.v)	đuổi ai đó ra ngoài	4	troop off (phr.v)	rời đi thành nhóm, nô nức
2	give sb a go (phr.v)	cho ai đó thử làm gì	5	lurch (v)	lảo đảo, chao đảo
3	yell (v)	hét, la hét	6	gasp (v)	hở hốc miệng vì kinh ngạc, thở hồn hồn

B. EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	to get through (phr.v)	vượt qua, hoàn thành	6	realistic (adj)	thực tế, giống thật
2	reception desk (n phr.)	quầy lễ tân, nơi đón tiếp khách	7	staff discount (n phr.)	chiết khấu cho nhân viên
3	overlook (v)	nhìn ra (cánh từ trên cao)	8	prawn (n)	con tôm
4	luxury (n)	sự xa xỉ, sự sang trọng	9	peculiar (adj)	kỳ lạ, khác thường
5	astonishing (adj)	đáng kinh ngạc	10	discipline (n)	kỷ luật, sự tự giác

*Note: *n = noun: danh từ; adj = adjective: tính từ; n phr. = noun phrase: cụm danh từ;*

v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; prep = preposition: giới từ

*Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

C. HOMEWORK

I. Choose the correct option (A, B, C, or D) to complete the paragraph below.

The Paralympic Games bring together (0) _____ from around the world to compete in various sports. One of the most physically demanding events is (1) _____, which requires athletes to navigate snow-covered trails using skis and poles. Another popular event is the (2) _____, a unique combination of skiing and shooting that tests both endurance and precision.

In the world of football, some matches can end in (3) _____, leading to intense moments like a penalty shoot-out. During these games, fans often (4) _____ loudly to support their favorite teams. At the end of such thrilling events, the champions are often (5) _____ medals at the grand closing ceremony, marking their incredible achievements.

0. A. <u>the disabled</u>	B. <i>score</i>	C. <i>pentathlon</i>	D. <i>gymnasium</i>
1. A. alpine skiing	B. cross-country skiing	C. para-snowboarding	D. wheelchair curling
2. A. ice sledge	B. triathlon	C. decathlon	D. biathlon
3. A. a ceremony	B. a draw	C. a score	D. a win
4. A. gasp	B. chuck	C. yell	D. lurch
5. A. crowned with	B. against	C. given	D. chucked out

II. Rearrange the words to make complete sentences.

0. *teacher / The / us / homework / some / at the end / the class. / gave / of*

→ **The teacher gave us some homework at the end of the class.**

1. *designed / swimming pool / for / local community / the / children / was / to use. / The*

→ _____

2. *They showed / overcome / to / challenges / the / great determination / faced. / they*

→ _____

3. *A brand-new / city / the / was opened / sports center / last month. / in*

→ _____

4. *friendship / Strong / is / based on / trust / and / often / respect.*

→ _____

5. *daily / My / includes / a quick / the gym. / fitness routine / workout / at*

→ _____

D. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Lưu ý:

- Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

Con hãy làm bài nghe PET theo link sau:
<https://on.soundcloud.com/p8k4P14aZhBdiKVG6>

Part 4

 30 For each question, choose the correct answer.

You will hear an interview with the manager of a new leisure centre.

20 Why is the leisure centre already so popular?

- A It's the only leisure centre in the area.
- B People have heard a lot about it.
- C It has an excellent gym.

21 What will be added to the leisure centre soon?

- A two new swimming pools
- B a diving area
- C a pool for children

22 The manager wants to improve the gym by

- A buying more equipment.
- B employing more staff.
- C opening for more hours.

23 From next week, there will be

- A an outdoor basketball court.
- B a new court for volleyball.
- C more tennis courts.

24 Who gives the scuba-diving lessons?

- A a swimming instructor from the leisure centre
- B instructors from a local diving school
- C the manager himself

25 What is different about the leisure centre?

- A The café sells healthy food.
- B It's cheaper than most other centres.
- C It offers discounts.

Con hãy làm các bài nghe dưới đây theo link sau:
<https://on.soundcloud.com/RK8NrWbykY73XqTK7>

I. Classwork:

Part 1: You will hear people talking in different situations. Answer the following questions (1-6).

***Note:** For general questions, listen to the entire track.

- General Questions:

1. What are the main themes discussed by the speakers in these extracts?
 - A. Challenges and experiences in daily life.
 - B. Travel plans and cultural differences.
 - C. Professional advice and technical skills.
2. What is the tone of the conversations?
 - A. Critical and frustrated.
 - B. Casual and conversational.
 - C. Formal and professional.
3. What can listeners learn from these conversations?
 - A. People's preferences and complaints.
 - B. Information about educational resources.
 - C. Ways to manage personal time effectively.

- Detailed Questions:

4. You hear a woman talking about a new film.
 How did she feel after seeing it?
 A. confused
 B. frustrated
 C. sad
5. You hear a woman telling a friend about her job in a supermarket.
 What was she doing there this morning?
 A. working on the checkout
 B. filling the shelves
 C. serving at the fish counter
6. You hear a man talking about a band he saw at a concert.
 What is he critical of?
 A. the image of the band
 B. the quality of the music
 C. the length of the show

II. Homework: You will hear people talking in different situations. Answer the following questions (1–6).

1. You hear two friends talking about a book.

What does the boy like about it?

- A. It's short.
- B. It's educational.
- C. It's amusing.

2. You hear a man talking about family holidays as a teenager.

What part did he find most enjoyable about them?

- A. the journey
- B. being outdoors
- C. watching films

3. You hear two friends talking about a hotel they stayed in.

What do they agree about it?

- A. The location was convenient.
- B. The staff were friendly.
- C. The room was comfortable.

4. You hear a woman talking about a new film she watched.

Why didn't she enjoy it?

- A. The ending was too predictable.
- B. It didn't feel realistic.
- C. The acting was poor.

5. You hear a woman talking about her part-time job at a supermarket.

What does she enjoy about it?

- A. Chatting with customers.
- B. Getting a discount on products.
- C. Arranging items on shelves.

6. You hear a sports instructor giving advice.

What is he explaining?

- A. How to move efficiently in water.
- B. Why breathing techniques are critical.
- C. The importance of swimming equipment.

EXTRA VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1			6		
2			7		
3			8		
4			9		
5			10		